

Chương X

ĐỐI MẶT: THÂN THIÊN VÀ CHẠM TRÁN

TRONG QUÁ TRÌNH ĐI VỀ PHƯƠNG NAM TÌM ĐẤT mới, người Đồng Nai – Bến Nghé mang theo phong tục tập quán, truyền thống của cội nguồn văn hiến 4.000 năm, của văn hoá Đông Đô – Thăng Long – Hà Nội nghìn năm thanh lịch. Dù xa cội nguồn nhưng trong tâm thức biểu hiện qua tính cách của người Đồng Nai – Bến Nghé vẫn là tính cần cù, thái độ hữu nghị, bản tính cởi mở, lối sống chân thành bộc trực, tình yêu thương con người... Bởi trong con người của họ không chỉ có cái gốc của cội nguồn văn hoá, mà tính cách của họ cũng được hình thành từ thân phận của những con người đã từng làm “ngựa tể Đồng Nai”, làm “người xa xứ lạc loài tới đây”.

Trong tâm trạng đầy hoàn cảnh như vậy, nên

khi những người Hoa theo Trần Thượng Xuyên đến đất Đồng Nai tị nạn, đã gặp ngay sự đồng cảm, hào hiệp giúp đỡ vô tư của những người Việt vốn cùng cảnh lạc loài tới đây trước đó khá lâu. Nếu không có sự giúp đỡ hào phóng, thân thiện trong tình hữu nghị của cư dân người Việt, chắc gì Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch có thể định cư lâu dài ở xứ này. Đối với lưu dân người Việt thời mở cõi, có lẽ người nước ngoài đông nhất mà họ tiếp xúc là nhóm người Minh Hương đến từ duyên hải Nam Trung Hoa hồi năm 1679. Rồi họ sống với nhau một cách chan hoà thân thiện như những người anh em đồng cảnh ngộ, sẵn sàng: “Kiến nghĩa bất di vô đồng giá – lâm nguy bất cứu mạc anh hùng”

Đến khi thương cảng Nông Nại Đại Phố được mở ra, tàu bè của Trung Quốc, Nhật Bản, Nam Dương, Ấn Độ, sau đó là người Hà Lan, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, người Anh, người Pháp cũng đều được người Việt chào đón theo phong cách hữu nghị, ứng xử chân thành; nghĩa tình, đền đáp tình nghĩa để nuôi dưỡng hữu hảo bạn bè. Cởi mở đến mức chấp nhận phong hoá của người nước ngoài như cho phép người Hoa xây miếu Quan Đế, tức chùa Ông và Hội quán Phúc Châu, Hội quán Quảng Đông ở Cù Lao Phố vào năm 1684.

Thế nhưng đối với những người nước ngoài đến Đông Nai bằng thái độ không hữu nghị sẽ được đáp lại bằng biện pháp không hữu nghị. Chẳng hạn như năm 1702, khi 5 người Anh mang theo 200 tên bộ hạ đến chiếm đảo Côn Lôn lúc bấy giờ thuộc sự cai quản của dinh Trấn Biên thì ngay lập tức họ được đáp trả bằng biện pháp không được hữu nghị cho lắm. Số là khi chiếm được Côn Lôn, đám hải phi người Anh này, đặt đại bác, xây phòng tuyến rất kiên cố với ý định chiếm cứ lâu dài vị trí quan trọng trên biển Đông này. Nhưng quan trấn thủ dinh Trấn Biên là Trương Phước Phan, sau khi được cấp báo đã cho người giả vờ trá hàng, rồi tương kế tựu kế nhân đêm tối phóng hỏa đốt doanh trại của bọn hải phi khiến chúng lớp chết lớp phải chạy trốn ra biển. Sử sách ghi rằng, đây là trận đánh thắng quân xâm lược phương Tây đầu tiên trong lịch sử Việt Nam.

Hay như đối với bọn thương khách Trung Hoa của Lý Văn Quan, quê ở Phúc Kiến dẫn đầu đến trú ngụ tại Cù Lao Phố một thời gian, thấy đất vùng này có thể đắc địa, có thể làm ăn lâu dài, nên bọn chúng nghĩ có thể làm “anh hùng nhất khoảnh”. Do đó, Lý Văn Quan dùng Hà Huy làm quân sư, Tạ Tam làm Tả đô đốc, Tạ Trí làm Hữu đô đốc âm mưu giết khâm sai cai đội Nguyễn Đăng Cửu, rồi xưng là

Đông Phố Đại Vương. Nhưng chẳng bao lâu, bọn Lý Văn Quan bị Lưu Thủ Oai hầu Nguyễn Cường và Cơ Đại Thắng hầu Tống Phước Đại đánh dẹp, bắt được cả bọn tống giam vào ngục thất. Với tội nổi loạn giết quân quân triều đình, xưng vương xưng bá, đúng ra phải bị chết chém theo luật pháp Đại Việt. Nhưng chúa tôì nhà Nguyễn, lúc bấy giờ sau khi cứu được một thuyền của bộ hạ Tổng đốc Môn Chiết Trung Quốc bị nạn ngoài biển, đã cho giải bọn phản tặc Lý Văn Quan về xứ sở để xét xử bằng tội tử. Qua sự việc này mới thấy cái oai đức của người Đồng Nai rất khoan dung.

*

**

Nếu như năm 1679, lần đầu tiên người Đồng Nai, tiếp xúc với người nước ngoài với số lượng hàng ngàn là những người Trung Hoa đi cùng Trần Thượng Xuyên đến xứ Bàn Lân lập nghiệp, thì đúng 180 năm sau, 1859, người Đồng Nai phải đối mặt với 2.000 người Pháp và Tây Ban Nha do thiếu tướng R. De Genouilly, chỉ huy tiến đánh đồn Phước Thắng, vị trí tiền tiêu của thành Biên Hoà – Gia Định.

Cuộc tiếp xúc đầu tiên với người Trung Hoa diễn ra trong không khí hoà bình thân thiện, bởi

cái tâm của những người mới đến đều chân thành nhún nhường. Còn cuộc tiếp xúc với người Pháp diễn ra trong bầu không khí căng thẳng, tràn đầy sát khí; đặc biệt những người phương Tây mới đến này mang theo dã tâm cướp nước nên họ được đón tiếp bằng thái độ của người Đồng Nai – Bến Nghé quyết tâm giữ nước.

Việc thiếu tướng Genouilly sau khi hạ 12 đồn lũy dọc sông Đồng Nai – Sài Gòn, đánh chiếm thành Gia Định 1859 và sau đó năm 1861 đô đốc Bonard đưa quân đánh chiếm thành Biên Hoà là một cuộc gặp gỡ không dễ chịu đối với cả hai bên Pháp – Việt. Mặc dù “thuốc súng kém chân đi không mà lòng người giàu lòng vì nước”, quân dân Biên Hoà – Gia Định đã anh dũng chiến đấu quyết liệt, với đạo quân xâm lược của Napoléon đệ tam. Cuộc chiến đấu không cân sức về mặt vũ khí – chỉ đơn thuần là vũ khí, chứ không phải lòng quyết tâm, đã khiến chúng ta mất đất, mất thành nhưng không mất lòng dân. Ngược lại trong cuộc đối đầu lịch sử để trở thành “miền Nam đi trước về sau”, lòng dân Biên Hoà – Đồng Nai luôn sục sôi lòng yêu nước, quyết chí đánh giặc cứu nước, mặc cho *Bến Nghé của tiền tan bọt nước – Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây*. Những người nông dân Đồng Nai – Bến Nghé đã chiến đấu anh dũng như những

ngĩa quân Tây Sơn của Quang Trung đã từng đánh xáp lá cà ở Tam Kỳ Giang đốt tàu, giết chết Manuel, một người Pháp do Bá Đa Lộc tiến cử và được Nguyễn Ánh phong chức khâm sai cai cơ chỉ huy đội Trung khuông hồi năm 1782.

Từ đó, cuộc kháng chiến chống Pháp giành độc lập của nhân dân Việt Nam kéo dài đến năm 1954 với trận Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, thì sau 95 năm tính từ năm 1859 – khi Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng rồi chiếm thành Gia Định – quân Pháp đã bị đại bại, nước Pháp phải kéo cờ tang. Trong chừng ấy thời gian kháng chiến, người Đồng Nai không chỉ tiếp xúc trực diện trên chiến hào, ở bàn đàm phán với người Pháp, mà còn có dịp tiếp xúc với các loại lính đánh thuê của các nước Châu Âu, binh lính lê dương mà thực dân Pháp đưa từ các thuộc địa châu Phi sang Việt Nam làm bia đỡ đạn, chia máu với đạo quân xâm lược. Trong các cuộc tiếp xúc ấy, người Đồng Nai luôn ứng xử văn minh theo truyền thống của người Việt, kể cả khi đưa binh lính Pháp bị thương, người Pháp bị bắt làm tù binh cũng được chăm sóc chu đáo. Chẳng hạn như: Năm 1948, trong trận La Ngà, một trận đánh giao thông lớn nhất ở Nam Bộ thời bấy giờ. Sau khi tiêu diệt hai đại tá chỉ huy bán lũ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, bộ đội chi đội 10 bắt được một số tù binh

trong đó có trung úy De Geoffray. Sau 4 tháng điều trị vết thương, chăm sóc chu đáo cho “vị khách không mời mà tới” này, chúng ta đã trao trả theo tinh thần nhân đạo Việt Nam và luật tù binh chiến tranh. Sau khi về Sài Gòn rồi trở về Paris, chính De Geoffray và vợ của ông ta đã tự nói lên tinh thần nhân đạo, thái độ lịch sự của những người lính Việt Nam mà nhà cầm quyền Pháp gọi là quân phiến loạn. Ấy vậy, mà có lần ở Chiến khu Đ, khi đi càn quét bắt gặp 11 thương binh của ta đang lánh trong rừng Đất Cước, lính Pháp đã dùng lưới lê đâm chết những thương binh không có vũ khí trong tay. Rồi đến khi Điện Biên Phủ kết thúc, chúng ta đã trao trả hơn 12.000 tù binh, trong đó có viên sĩ quan Pháp bị thương được Bác Hồ cử áo ấm tặng cho, khi y đang rét run trong cái lạnh cắt da ở vùng Tây Bắc.

*
**

Năm 1965, mốc thời gian đáng nhớ đối với người Đồng Nai, vì họ “buộc” phải tiếp một số lượng rất đông người nước ngoài khá sùng sỏ đến từ Bắc Mỹ, cách Việt Nam nửa vòng quả đất.

Ngày 8/3/1965, dưới ngọn cờ thêu hai chữ tự do, quân đội Mỹ đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà (Đà

Năng), mở đầu sự can thiệp trực tiếp của Mỹ vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Thật ra cuộc đổ bộ của quân viễn chinh Mỹ vào Việt Nam ở thời điểm ấy, người Mỹ đã đánh lá bài tẩy cuối cùng để cứu chế độ Sài Gòn – con bài dominô của Mỹ đang hồi nguy khốn. Bởi lúc đó, Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam vừa ra đời sau Đồng khởi Bến Tre, đang có uy thế lớn ở miền Nam, còn chiến tranh đặc biệt của Mỹ coi như bị phá sản qua việc tướng Mỹ Taylor, người được xem là “vị tướng tài ba nhất nước Mỹ” phải từ chức vai trò đại sứ ở Sài Gòn.

Cũng ngay trong năm 1965, đầu tiên là phi đội thần sấm F-105 của Mỹ đáp xuống sân bay Biên Hoà và sau đó lần lượt là các đơn vị thiện chiến của Mỹ như: Lữ đoàn 173 quân nhảy dù, sư đoàn số 1 “anh cả đỏ”, Đội hỏa tiễn 97, Lữ đoàn 199 thủy quân lục chiến, Tập đoàn không quân số 7 được phát triển từ một sư đoàn không quân đóng ở Biên Hoà. Không chỉ những vị khách không mời là người Mỹ, mà đi cùng lính Mỹ, chết thay cho Mỹ còn có đơn vị biệt kích của quân đội Hoàng gia Úc, Tân Tây Lan, Lữ đoàn “Mãng Xà Vương” của Thái Lan cũng đến Biên Hoà. Trong số các đơn vị quân đội nước ngoài đến Biên Hoà hồi bấy giờ, các chuyên gia quân sự nhận ra các đơn vị được xem là sừng sỏ

nhất của quân đội Mỹ và đồng minh của họ, đó là: Lữ đoàn dù 173, sư đoàn “anh cả đỏ”, Lữ đoàn 199 thủy quân lục chiến, Lữ đoàn bộ binh Hoàng gia Úc; tiểu đoàn pháo Tân Tây Lan đều có mặt ở Biên Hoà – Đồng Nai. Ở Biên Hoà, quân đội nước ngoài đóng ở sân bay Biên Hoà được mở rộng, xây dựng tổng kho hậu cần Long Bình, Bộ tư lệnh dã chiến 2 và rải dọc các trục lộ, hoặc cắm sâu vào các yết hầu của vùng giải phóng.

Khi đưa quân đến Biên Hoà, quân Mỹ cùng quân các nước đồng minh và quân đội Sài Gòn nhanh chóng dùng phi pháo, xe tăng đánh thọc sâu vào Chiến khu Đ và các khu căn cứ lồm khác. Đặc biệt họ mở các trận càn có quy mô lớn như “hành quân Mullet”, Hòn đá lăn (Rolling Stone), Thành phố bạc (Silver City), hành quân liên quân Úc – Mỹ – Việt, liên quân Mỹ – Hàn, hành quân Big Spring... Phần lớn các cuộc hành quân này đều chia mũi tấn công vào Chiến khu Đ, nhưng trong cuộc hành quân “Hòn đá lăn”, một đơn vị thuộc Lữ dù 173 của Mỹ bị ta chia cắt, vây hãm tiêu diệt và làm bị thương gần 1.000 tên Mỹ, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn quân Úc trong Chiến khu Đ. Không chỉ dừng lại ở đó, chỉ sau 3 tháng đến Biên Hoà, quân đội Mỹ đã dần mất người Đồng Nai bằng việc đưa pháo đài bay B52 từ đảo Guam đánh vào căn cứ

Tỉnh ủy Biên Hoà suốt 5 giờ liền. Từ trận bom B52 này trở đi, B52 ném bom như cơm bữa xuống đất Đồng Nai, nhưng người Đồng Nai cũng quen dần với những “bữa cơm” tấn của Mỹ, nên chẳng nao núng gì.

Có thể nói trong cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc suốt 10.000 ngày, người Đồng Nai thường xuyên đối mặt với những người nước ngoài bên kia chiến tuyến, từ những người mang quốc tịch Pháp đến những người mang quốc tịch Mỹ, cùng cả chục sắc lính nước ngoài có ngôn ngữ khác nhau ở nhiều châu lục đến. Cuộc tao ngộ đẫm máu trên chiến trường Việt Nam giữa người Đồng Nai, người Việt Nam với những người nước ngoài này là điều chúng ta không bao giờ muốn, vì dân tộc chúng ta là một dân tộc yêu chuộng hoà bình, chỉ muốn cầm cày trên mảnh đất quê hương, chứ không muốn cầm súng làm chiến tranh. Nhưng vì danh dự dân tộc, vì phẩm giá con người, khi giặc đến nhà “đàn bà cũng đánh”, huống chi là những đấng trượng phu của thời đại Hồ Chí Minh, nên buộc chúng ta phải bỏ cuộc cày, rời giảng đường, nhà máy cầm súng ra trận.

Trong cuộc đối đầu không cân sức về mặt vũ khí, cũng như tiền bạc mà cả người Pháp lẫn người Mỹ đều hơn chúng ta gấp trăm ngàn lần, nhưng

chúng ta mạnh họ gấp bội lần về truyền thống văn hoá dân tộc, lòng yêu nước và nhất là lý tưởng “không có gì quý hơn độc lập tự do” mà Bác Hồ đã truyền lửa cho nhân dân. Thực hiện truyền thống hoà hiếu của dân tộc và lời dạy của Hồ Chí Minh nên trong khi chiến đấu với thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, người Đồng Nai luôn biết phân biệt giữa quân xâm lược với nhân dân tiến bộ Pháp, nhân dân Mỹ yêu chuộng công lý, hoà bình. Ngay trong hàng ngũ những kẻ xâm lược, người Đồng Nai vẫn phân biệt những kẻ hiếu chiến, hung hăng với những người Pháp, người Mỹ bị buộc phải cầm súng bắn vào người Việt Nam. Cho nên chúng ta hết sức chia sẻ với 13 người lính Mỹ trong một đơn vị của Hoa Kỳ đồn trú ở thị xã Long Khánh, trong đêm 13/12/1968, đã phản chiến đòi trở về nước với gia đình. Nguyện vọng chính đáng của họ không được chỉ huy đáp ứng, nên họ đã cho nổ mìn làm chết 11 sĩ quan Mỹ, trong đó có một thiếu tá và hai trung tá. Chúng ta cũng cảm ơn hai người lính Mỹ cũng đóng ở Long Khánh, mà chúng ta chưa biết tên, trong đêm Noel 1968, đã kéo cờ Mặt trận Dân tộc Giải phóng, vẽ bốn khẩu hiệu phản đối cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam. Ngay giữa lúc Nixon tập trung cao độ lực lượng không quân chiến lược, dùng gần như toàn bộ pháo đài bay B52 không

kích Hà Nội thì từ “Khách sạn Hinton” ở Hà Nội cho đến giữa lòng Chiến khu Đ chúng ta vẫn luôn đối xử tốt với tù binh Mỹ, cho họ ăn khẩu phần hàng ngày cao hơn khẩu phần của chiến sĩ Việt Nam.

Nhưng do chưa hiểu được hoặc cố tình không hiểu được câu thơ: *Nam quốc sơn hà Nam đế cư / Tuyệt nhiên định phận tại thiên thư / Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm / Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

Nên người Pháp mà đại diện là tướng De Castries, một người gốc Paris, con của một gia đình gồm nhiều người đều là những danh tướng của nước Pháp phải đến Điện Biên Phủ kéo cờ trắng đầu hàng và người Mỹ, là đại sứ Graham Martin làm đại diện phải cuốn cờ leo lên nóc sứ quán dùng trực thăng tháo chạy ra biển Đông.

**

Sau khi Việt Nam thống nhất Tổ quốc, gia nhập Liên hiệp quốc, được kết nạp vào các định chế quốc tế và lần lượt thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới theo phương châm: Việt Nam là bạn với tất cả các nước, trong đó có các nước từng

gây chiến tranh xâm lược ở Việt Nam, thì chúng ta chủ trương gác lại quá khứ, hướng tới tương lai.

Việt Nam mở rộng vòng tay đón tất cả nguyên thủ các nước đến với Thủ đô Hà Nội, kể cả nguyên thủ 5 nước thường trực Hội đồng Bảo an Liên hiệp quốc, các chính khách, các học giả, nhà khoa học, chuyên gia quân sự, thương nhân... bằng tinh thần cởi mở, chân thành. Các nguyên thủ của Việt Nam – một thời từng bị thực dân cũ, thực dân mới gọi là “quân phiến loạn, quân phiến cộng”, bị đặt ngoài vòng pháp luật ở miền Nam Việt Nam trước đây, lần lượt đứng ngang hàng, tự tin bắt tay hữu nghị với nguyên thủ các nước từng là “cựu thù” của Việt Nam. Theo nghi thức ngoại giao, họ cũng phải đứng nghiêm trang trước lá cờ đỏ sao vàng của Việt Nam – một biểu tượng mà trong cuộc kháng chiến 10.000 ngày, đã từng bị xem là thứ quốc cấm ở vùng kiểm soát của quân Pháp, quân Mỹ,

*
**

Thực hiện đường lối đối ngoại theo quan điểm “Việt Nam là bạn với các nước”, lấy ngoại giao chính trị, ngoại giao kinh tế và sau này là ngoại giao văn hoá làm trục chính trong quan hệ với các nước. Trong đường lối đối ngoại, có kinh tế đối

ngoại và đối ngoại nhân dân cũng được Đồng Nai xem trọng.

Sau ngày giải phóng, đầu tiên chúng đón tiếp đoàn đại biểu kinh tế văn hoá Cuba những người con của Hoxê-Marti hiên ngang đứng trên đầu sóng ngọn gió của Cách mạng Mỹ - La tinh - đối diện với Mỹ đến thăm. Rồi những đoàn đại biểu đến từ Liên Xô, quê hương của cách mạng tháng Mười và những người bạn đến từ các nước Đông Âu xã hội chủ nghĩa, một thời chí tình với Việt Nam chống Mỹ. Những người con của Đồng Nai cũng được tạo điều kiện đến Liên Xô và Đông Âu học tập lao động, tham quan nghỉ dưỡng. Hàng hoá của Đồng Nai, phần lớn là các loại nông lâm sản kết tinh từ mồ hôi, trí tuệ của người lao động Đồng Nai cũng được xuất sang các nước Liên Xô, Đông Âu, làm thêm thêm mối tình hữu nghị.

Nhà nước cho phép Đồng Nai kết nghĩa với nước cộng hoà Apkhazia thuộc Liên Xô và đặc biệt, Đồng Nai được Trung ương giao làm nhiệm vụ quốc tế tại tỉnh Konpongthom (Campuchia) để giúp tỉnh này củng cố chính quyền cách mạng, xây dựng lại cơ sở vật chất bị Pon Pot tàn phá sau mấy năm tiến hành kiểu cầm quyền diệt chủng. Máu những người con Đồng Nai lại tiếp tục đổ trên đất nước Chùa

Tháp, như máu của chiến sĩ trung đoàn Đồng Nai đã từng đổ trên biên giới tỉnh Sông Bé, giáp với tỉnh Krache hồi còn chiến tranh biên giới Tây Nam.

Đến khi Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới, Đồng Nai đã chủ động lần lượt thiết lập và thúc đẩy các mối quan hệ hợp tác với nhiều địa phương của nước ngoài trên các lĩnh vực: Kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục, đào tạo, khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường... Đồng Nai đã giao lưu hợp tác với: Vùng Rhône – Alpes (Pháp), tỉnh Giang Tô (Trung Quốc), tỉnh Kyongsang Nam Do (Hàn Quốc), thành phố Kim He (Hàn Quốc), Công đoàn Hồ Nam, thành phố Tương Đàm (tỉnh Hồ Nam – Trung Quốc), tỉnh Tesnopol (Ucraina), Chon Buri (Thái Lan), tỉnh Kratré (Campuchia), tỉnh Champhacsac (Lào)... Các nội dung hợp tác giữa Đồng Nai và các đối tác nước ngoài ngày càng được triển khai sâu rộng có tính thực tiễn trên các lĩnh vực mà hai bên cùng quan tâm. Ngoài ra, Đồng Nai hợp tác với 25 tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các tổ chức kinh tế xã hội của liên hợp quốc, quản lý và khai thác các dự án từ ngân hàng Á châu, các nước Nhật Bản, Hà Lan, Tây Ban Nha, Australia, Hoa Kỳ, Bỉ, Thụy Sĩ... để tranh thủ các nguồn viện trợ cho phúc lợi và an sinh xã hội, xoá đói giảm nghèo, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe cho nạn nhân chiến tranh,

trẻ em khuyết tật, mồ côi. Các tổ chức như Friendship Bridge (Nike – Mỹ), Mankokybaku, Nippon Foundation (Nhật Bản) cũng tham gia tài trợ có hiệu quả cho các dự án xã hội của Đồng Nai.

Đến khi có luật đầu tư nước ngoài, Đồng Nai với chủ trương tạo môi trường đầu tư thông thoáng và phương châm đồng hành cùng doanh nghiệp, coi doanh nghiệp nước ngoài là một bộ phận quan trọng của kinh tế địa phương, nên nơi đây trở thành điểm đến của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Nhà đầu tư đến xây dựng nhà máy, cần nhân lực nên ngoài trình độ kỹ năng chuyên môn, ngôn ngữ giao tiếp trở thành một yêu cầu tuyển dụng. Do đó, việc học tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung, tiếng Hàn... là một nhu cầu có thật với hàng loạt trung tâm ngoại ngữ, lớp học ngoại ngữ mở ra rầm rộ trên địa bàn thành phố Biên Hoà, thị xã Long Khánh và các huyện. Trên cơ sở kinh tế phát triển, thu nhập đời sống ngày càng được nâng cao, người Đồng Nai ra nước ngoài học tập, làm việc, tham quan du lịch ngày càng nhiều và người nước ngoài đến Đồng Nai làm việc, học tập, đặc biệt là du lịch cũng ngày càng đông. Riêng số lao động làm việc tại các khu công nghiệp Đồng Nai vào thời điểm đầu năm 2009 đã có đến hơn 4.500 người. Trên cơ sở mối quan hệ giao lưu kinh tế – văn hoá – du lịch với nước ngoài

ngày càng phát triển, nên người Đồng Nai cũng tiếp thu được nhiều cái hay, cái đẹp của văn hoá nước ngoài phù hợp với văn hoá dân tộc, làm phong phú thêm đời sống tinh thần của cư dân địa phương.

Nếu lấy cái mốc 1.000 năm, Thăng Long – Hà Nội làm chuẩn thì có thể nói, Đồng Nai là một trong số ít các địa phương trong cả nước – mà trong hơn 330 năm tính từ khi nhóm người Hoa do Trần Thượng Xuyên vào xứ Bàn Lân lập nghiệp, được “có dịp” tiếp xúc với người nước ngoài đông về số lượng và nhiều quốc tịch, nhiều chủng tộc.

Thông qua tiếp xúc với người nước ngoài – cả mặt tích cực và tiêu cực, hoà bình và chiến tranh, thân thiện và đấu tranh... người Đồng Nai biết “gạn đục khơi trong” tiếp thu tinh hoa văn hoá của từng dân tộc để làm giàu cho tâm hồn và trí tuệ của mình và “biết dị ứng” với những tư tưởng văn hoá ngoại lai không phù hợp. Qua đó, người Đồng Nai vốn có truyền thống cởi mở lại càng có phong cách ứng xử và tầm nhìn thông thoáng về con người và thời đại.